

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2021/HS-ST  
Ngày 21 - 12 -2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Duy Thạch

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Đắc Từ

Ông Vũ Văn Minh

**- Thư ký phiên toà:** Bà Đỗ Thị Tình – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Trương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Tiến D – sinh năm 1980, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số X, Khu Y, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Lương Thị M; có vợ: Lý Thu H (đã ly hôn) và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 108/2003/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) xử phạt 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", đã chấp hành xong hình phạt tù; tại bản án số 29/2004/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2004 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", chấp hành xong hình phạt tù ngày 16 tháng 5 năm 2005; tại bản án số 54/2006/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2006 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 20 tháng 4 năm 2009; tại bản án số 80/2010/HSST ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Tòa án nhân dân quận H1, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 năm tù về tội "Cướp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 27 tháng 5 năm

2020; bị cáo bị tạm giữ ngày 18 tháng 8 năm 2021, tạm giam ngày 27 tháng 8 năm 2021; có mặt.

2. Phạm Hùng T1 – sinh năm 1981, tại Hà Nội. Nơi cư trú: Số A đường B, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị N; có vợ: Phạm Thị Thúy H1 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 18 tháng 8 năm 2021, tạm giam ngày 27 tháng 8 năm 2021; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn T2; địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Những người làm chứng*: Chị Mai Tuấn O, ông Khiếu Xuân N; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích rủ Phạm Hùng T1 đi xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản nên khoảng 13 giờ 00 phút ngày 17 tháng 8 năm 2021, Phạm Tiến D điều khiển xe mô tô Wave biển kiểm soát 15B2-994.13 đến nhà Phạm Hùng T1 ở số A, đường B, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Được Phạm Hùng T1 đồng ý nên D đưa xe cho T1 điều khiển đi đến ngõ Y đường N thuộc địa bàn thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng thì D phát hiện thấy chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter màu đen trắng, biển kiểm soát 15K1 - 030.47 của anh Nguyễn Văn T2 dựng ở rìa ngõ, không có người trông coi nên D bảo với T1 "Tôi phang con xe này" rồi D xuống xe còn T1 điều khiển xe đến nhà trọ của Nguyễn Thị T3 ở ngõ phụ Y. D đẩy chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Văn T2 đi ra hướng đường khoảng 02 đến 03m thì dừng lại và lấy trong túi quần ra chiếc vạm phá khóa cắm vào ổ khóa rồi nổ máy nhưng xe không nổ. D dắt xe ra đầu ngõ dựng ở rìa đường rồi đi bộ vào nhà T2 gọi T1 ra đẩy xe. D ngồi trên xe trộm cắp được còn T1 điều khiển xe Wave đi sau, dùng chân phải đẩy xe theo đường ra ngã tư A đi về nhà Khiếu Xuân N ở đường D, quận L gửi xe nhưng không nói cho Khiếu Xuân N biết nguồn gốc chiếc xe rồi cả hai đi về nhà.

Sau khi phát hiện mất tài sản, anh Nguyễn Văn T2 đã trình báo Cơ quan Công an và giao nộp 01 USB chứa dữ liệu camera ghi lại hình ảnh Phạm Tiến D đã trộm cắp tài sản.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, Phạm Tiến D và Phạm Hùng T1 bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện A ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Tiến D thu giữ 01 vạm chữ L, 01 áo sơ mi dài tay màu đen - trắng - đỏ; 01 mũ bảo hiểm; 01 đôi dép lê màu đen; 01 quần bò màu xanh. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Hùng T1 thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novol màu đen mang biển kiểm soát 16M4 - 4667; 01 mũ bảo

hiểm. Thu giữ tại nhà trọ Nguyễn Thị T2 01 xe mô tô Yamaha Jupiter không đeo biển kiểm soát do Phạm Hùng T1 gửi tại nhà trọ của Nguyễn Thị T2.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện A kết luận: Chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter, Biển kiểm soát 15K1- 030.47 của anh Nguyễn Văn T2 trị giá 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Tiến D khai nhận đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter, Biển kiểm soát 15K1- 030.47 của anh Nguyễn Văn T2 vào thời gian, địa điểm như đã nêu trên. Bị cáo Phạm Hùng T1 khai nhận giữa bị cáo và Phạm Tiến D không có sự bàn bạc sẽ đi trộm cắp tài sản vào ngày xảy ra sự việc nhưng khi thấy Phạm Tiến D nói "Tôi phang con xe này", bị cáo đã cho xe mô tô chạy chậm lại để Phạm Tiến D xuống xe và khi được Phạm Tiến D nhờ đẩy xe, mặc dù biết xe do trộm cắp được mà có nhưng bị cáo vẫn đẩy chiếc xe trên đến gửi tại nhà Khiếu Xuân N.

Công bố lời khai bị hại Nguyễn Văn T2 và những người làm chứng có nội dung như các bị cáo đã khai nhận. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Phạm Tiến D về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Hùng T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Tiến D từ 36 đến 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hùng T1 từ 12 đến 15 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa hình chữ L; 02 mũ bảo hiểm; 01 đôi dép lê màu đen; 01 quần bò màu xanh; 01 áo sơ mi.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo Phạm Hùng T1, Phạm Tiến D đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, phù hợp với Bản kết luận định giá tài sản ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện A, phù hợp phù hợp với vật chứng đã thu được, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phạm Tiến D, Phạm Hùng T1 đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter, Biển kiểm soát 15K1- 030.47 của anh Nguyễn Văn T2 trị giá 7.800.000 đồng của anh Nguyễn Văn T2 vào ngày 17 tháng 8 năm 2021 ở ngõ Y đường N thuộc thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Bị cáo Phạm Hùng T1 mặc dù không thừa nhận trước đó có sự bàn bạc cùng Phạm Tiến D đi trộm cắp tài sản nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, khi Phạm Tiến D nói "Tôi phang con xe này", bị cáo Phạm Hùng T1 đã cho xe chạy chậm lại để Phạm Tiến D xuống xe thực hiện hành vi phạm tội rồi cùng Phạm Tiến D đẩy xe trộm cắp được đến gửi ở nhà Khiếu Xuân N như vậy, bị cáo Phạm Hùng T1 đã tiếp nhận ý chí của bị cáo Phạm Tiến D và mong muốn chiếm đoạt được tài sản của bị hại.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây nguy hiểm cho xã hội nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản", vi phạm Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

[4] Trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 7.800.000 đồng nên hành vi của bị cáo Phạm Hùng T1 đã vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Tiến D có 04 tiền án đều chưa được xóa án, đã "Tái phạm" mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp "*Tái phạm nguy hiểm*", vì vậy hành vi của bị cáo Phạm Tiến D đã vi phạm điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự "*Tái phạm nguy hiểm*".

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, gây nên tâm lý lo ngại trong nhân dân. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Mặc dù bị cáo Phạm Hùng T1 không thừa nhận có sự bàn bạc việc trộm cắp tài sản với bị cáo Phạm Tiến D từ trước nhưng đã thành khẩn khai báo về diễn biến hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn, hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo Phạm Hùng T1 trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về phân hóa vai trò:

[9] Đây là vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn, Hội đồng xét xử phân hóa vai trò đối với các bị cáo như sau: Bị cáo Phạm Tiến D là người khởi xướng; là người chuẩn bị công cụ, phương tiện và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại nên vai trò của bị cáo Phạm Tiến D là cao nhất trong vụ án. Bị cáo Phạm Hùng T1 phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, thực hiện hành vi đẩy xe trộm cắp được khi xe không nổ máy được nên có vai trò thấp hơn bị cáo Phạm Tiến D.

- Về mức hình phạt:

[10] Trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 7.800.000 đồng nên cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo ở mức trên khởi điểm mới đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[12] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[13] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Juiter màu trắng – đen, Biển kiểm soát 15K1-030.47; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 Giấy chứng nhận bảo

hiểm xe mang tên Nguyễn Văn T2 do ông Khiếu Xuân N giao nộp, Cơ quan Điều tra - Công an huyện A đã trả cho anh Nguyễn Văn T2 là chủ tài sản quản lý sử dụng là có căn cứ.

[14] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita màu đen, không mang biển số do Công an xã A kiểm tra phát hiện đã thu giữ tại nhà Nguyễn Thị T2 do Phạm Hùng T1 gửi trước đó. Qua xác minh chủ sở hữu chiếc xe trên là chị Phùng Thị D bị mất vào trưa ngày 08 tháng 8 năm 2021 khi dừng trước nhà ở phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng. Phạm Hùng T1 khai nhận chiếc xe trên do cầm của một người tên T3 (không rõ địa chỉ) vay Thái 600.000 đồng vào sáng ngày 17 tháng 8 năm 2021. Cơ quan Công an huyện A đã chuyển chiếc xe trên đến Cơ quan Điều tra - Công an quận L để giải quyết theo thẩm quyền.

[15] Đối với 01 xe mô tô Yamaha Novo BKS 16M-4667 tạm giữ trong quá trình khám xét nhà T1. Qua điều tra xác định, chiếc xe trên là T1 mượn của T2, T2 khai mua xe trên của ông Nguyễn Văn L, hiện ông L vắng mặt tại địa phương nên chưa có lời khai. Chủ sở hữu theo đăng ký chiếc xe tên là Phan Thị Hồng X, sinh đã bán chiếc xe này cho một người không rõ. Cơ quan Điều tra - Công an huyện A tiếp tục xác minh làm rõ chiếc xe trên.

[16] Đối với 01 xe mô tô Wave màu xanh BKS 15B2-994.73 là phương tiện D và T1 sử dụng đi trộm cắp tài sản. Tại cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Tiến D khai: Chiếc xe trên D cầm cố cho T4 (chưa rõ lai lịch) vào tháng 7 năm 2021, hiện T4 chưa quay lại lấy. Qua xác minh chủ sở hữu chiếc xe trên là anh Trần Hữu T5, hiện chưa triệu tập được anh T5. Cơ quan Điều tra - Công an huyện A tiếp tục xác minh làm rõ.

[17] Đối với 01 vạm phá khóa hình chữ L là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[18] Đối với 02 mũ bảo hiểm; 01 đôi dép lê màu đen; 01 quần bò màu xanh; 01 áo sơ mi là tài sản của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, có giá trị sử dụng không lớn nhưng các bị cáo không yêu cầu được nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự:

[19] Bị hại Nguyễn Văn T2 không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác:

[20] Đối với hành vi của Khiếu Xuân N, tài liệu có trong hồ sơ không đủ căn cứ kết luận Khiếu Xuân N đồng phạm với Phạm Tiến D và Phạm Hùng T1 trong việc trộm cắp tài sản hoặc phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra - Công an huyện A không xử lý là có căn cứ.

[21] Về án phí: Theo quy định của pháp luật các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Tiến D 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hùng T1 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn tù của các bị cáo Phạm Tiến D, Phạm Hùng T1 tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Tiến D và Phạm Hùng T1.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa hình chữ L; 02 mũ bảo hiểm; 01 đôi dép lê màu đen; 01 quần bò màu xanh; 01 áo sơ mi.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện A quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự

Các bị cáo Phạm Hùng T1, Phạm Tiến D mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.p Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 06 CATP;
- Phòng PC 10 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- UBND xã, phường nơi cư trú của các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**Bùi Duy Thạch**